A- KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HK I TOÁN 6
NĂM HỌC 2024-2025

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (18 tiết)	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên	1 (0,25đ)	1 (1,0đ)		5 (3,5đ)		1 (1,0đ)			(7,25đ) 72,5%
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước và bội	2 (0,5đ)							1 (1,0đ)	
2	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	4 (1,0đ)			1 (0,5đ)		1 (1,0đ)			(2,5đ) 25%
3	Xác suất và Thống Kê	Thu thập và phân loại dữ liệu	1 (0,25)								(0,25đ) 2,5%
Tổng: Số câu Điểm			8 (2,0đ)	1 (1,0đ)		6 (4,0đ)		2 (2,0đ)		1 (1,0đ)	18 (10đ)
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

B- BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI TOÁN 6 - NĂM HỌC 2024-2025

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Vận dụng cao**
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	**Tập hợp các số tự nhiên**	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên	***Nhận biết:*** – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên.	1TN (TN 1) 1TL (TL1)	5TL (TL2a, 2b,2c,3 a,3b)		
			– Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.				
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.				
			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán.				
			– Thực hiện được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai luỹ thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.				
			– Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.				

				– Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).			1TL (TL4)	
				Vận dụng cao: – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với thực hiện các phép tính.				
			Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	***Nhận biết :*** – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.	2TN (TN7,8)			
				Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản.				1TL (TL6)

				– Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất. – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...)..				
	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
	2	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	***Nhận biết:*** – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. ***Nhận biết*** – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	4TN (TN 2, 3 ,4, 5)			
				Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản***)*** gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.			1TL (TL5)	
	XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ							
	3	Một số yếu tố thống kê	Biểu diễn và phân loại dữ liệu	***Nhận biết***	1 TN (TN6)			

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3 **TRƯỜNG THCS PHAN SÀO NAM** **ĐỀ THAM KHẢO** *(Đề có 02 trang)*	**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I** **NĂM HỌC: 2024 – 2025** **MÔN: TOÁN – LỚP: 6** **Thời gian làm bài: 90 phút** *(không kể thời gian phát đề)*

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 ĐIỂM)

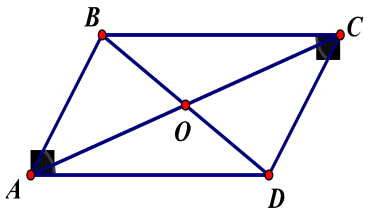
Câu 1. Cho tập hợp $A = \{1; 2; 3; 6; 8\}$ $A = \{0;1;2;3;4\}$, chọn khẳng định đúng?

A. $2 \notin A$ **B.** $3 \in B$ **C.** $A \in 3$ **D.** $4 \in A$

Câu 2. Số đường chéo của hình vuông là:

A. 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

Câu 3. Cho hình bình hành ABCD, cặp cạnh song song với nhau là:



A. AB và AD **B**. AD và DC **C**. BC và AD **D**. DC và BC

Câu 4. Hình thang cân có:

A. Hai cạnh bên bằng nhau, hai cạnh đáy bằng nhau

B. Hai cạnh bên bằng nhau

C. Hai đường chéo vuông góc với nhau

D. Bốn cạnh bằng nhau.

Câu 5. Hình có 4 góc bằng nhau và 4 cạnh bằng nhau là hình gì?

A. Hình chữ nhật **B.** Hình vuông **C.** Hình bình hành **D.** Hình thoi

Câu 6.Số học sinh vắng trong một tuần của các lớp khối 6 trường THCS A được ghi trong bảng sau:

Lớp	6A1	6A2	6A3	6A4
Số học sinh vắng	8	3	1	5

Hỏi lớp nào có số học sinh vắng nhiều nhất?

A. 6A1 **B.** 6A2 **C.** 6A3 **D.** 6A4

Câu 7. Số nào sau đây chia hết cho 9 và chia hết cho 3

A. 1230 **B.** 2030 **C.** 2520 **D.** 2018

Câu 8. Ba số tự nhiên lẻ liên tiếp đều là số nguyên tố là.

A. $1;3;5$. **B.** $3;5;7$. **C.** $5;7;9$. **D.** $7;9;11$.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 ĐIỂM)

Bài 1. (1,0 NB) Viết tập hợp B các số tự nhiên khác 0 và bé hơn 5 bằng hai cách.

Bài 2. (0,5 TH + 0,75 TH+ 0,75 TH) Thực hiện phép tính:

a. $23.121 - 1897$

b. $249 - 5^2.8 + 3^2.4$

c. $\left\{\left(2.3^3 + 2^8 : 32\right) - 17\right\}.21 + 79$

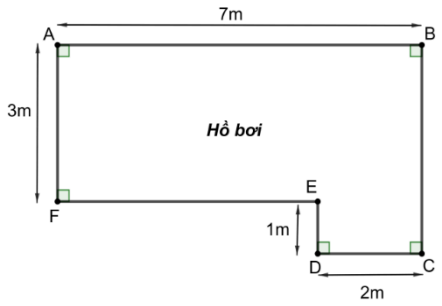
Bài 3. (0,5 TH + 1,0 TH) Tìm số tự nhiên x, biết:

a. $276 - x = 24$

b. $34 + 4x = 102$

Bài 4. (1,0 VD) Mẹ Lan mang $600\,000$ đồng vào siêu thị mua $2kg$ khoai tây, $5kg$ gạo và 2 túi nước giặt. Giá mỗi ki-lô-gam khoai tây là $26\,500$ đồng, mỗi ki-lô-gam gạo là $18\,000$ đồng, mỗi túi nước giặt là $183\,000$ đồng. Hỏi mẹ Lan còn bao nhiêu tiền?

Bài 5. (0,5 TH+ 1,0 VD) Cho hồ bơi có kích thước như hình vẽ sau:



a/ Tính chu vi của hồ bơi trên.

b/ Tính diện tích của hồ bơi trên

Bài 6. (1,0 VDC) Không thực hiện tính tổng.

Chứng minh rằng $A = 20^{20} + 20^{21} + 20^{22} + 20^{23} + ... + 20^{70} + 20^{71}$ chia hết cho 21

____HẾT____

HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM

I.TRẮC NGHIỆM: *(2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ/án	D	A	C	B	B	A	C	B

II. TỰ LUẬN: *(8,0 điểm)*

BÀI	**Ý**	**NỘI DUNG**	**ĐIỂM**
1 (1,0đ)		$B = \{1;2;3;4\}$ $B = \{x \in \mathbb{N} \mid 0 < x < 5\}$	**0,5** **0,5**
2 (2,0 đ)	**a (0,5 đ)**	$= 2783 - 1897$ $= 886$	**0,25** **0,25**
	b (0,75 đ)	$249 - 5^2.8 + 3^2.4$ $= 249 - 25.8 + 9.4$ $= 249 - 200 + 36$ $= 85$	**0,25** **0,25** **0,25**
	c (0,75 đ)	$\{(2.3^3 + 2^8 : 32) - 17\} - 35\}.21 + 79$ $= \{(2.27 + 2^8 : 2^5) - 17\} - 35\}.21 + 79$ $= \{(54 + 8) - 17\} - 35\}.21 + 79$ $= \{[62 - 17] - 35\}.21 + 79$ $= \{45 - 35\}.21 + 79$ $= 10.21 + 79$ $= 210 + 79 = 289$	**0,25** **0,25** **0,25**
3	**a (0,5 đ)**	$276 - x = 24$	

(1,5 đ)		$x = 276 - 24$ $x = 252$	**0,25** **0,25**
	b (1,0 đ)	$34 + 4x = 102$ $4x = 102 - 34$ $4x = 68$ $x = 17$	**0,5** **0,25** **0,25**
4 (1,0 đ)		Tiền mua $2kg$ khoai tây, $5kg$ gạo và 2 túi nước giặt: $26500.2 + 18000.5 + 183000.2 = 509000$ (đồng) Mẹ Lan còn lại số tiền: $600000 - 509000 = 91000$ (đồng)	**0,5** **0,5**
5 (1,5 đ)	**a (0,5 đ)**	a) Chu vi của hồ bơi trên: $(7 + 3 + 1).2 = 22(m)$	**0,5**
	b (1,0 đ)	b) Diện tích của hồ bơi trên: $3.7 + 1.2 = 23(m^2)$	**0,5** **0,5**
6 (1,0 đ)		$A = (20^{20} + 20^{21}) + (20^{22} + 20^{23}) + ... + (20^{70} + 20^{71})$ $= 20^{20}(1 + 20) + 20^{22}(1 + 20) + ... + 20^{70}(1 + 20)$ $= 21(20^{20} + 20^{22} + ... + 20^{70})$ Vậy A chia hết cho 21	**0,5** **0,25** **0,25**

Lưu ý: *Học sinh có cách giải khác nếu đúng thì giáo viên dựa trên thang điểm chung để chấm.*